

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/DS-ST

Ngày 29/5/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Quang Thanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Quang Tuyển

2. Ông Trịnh Phước Đức

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang:*
Ông Lê Minh Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 461/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2024/QĐST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H

Trụ sở: B N, phường B, Quận A, Tp. HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Huỳnh Thái H – Chức vụ: Giám Đốc H1 chi nhánh P.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Minh M – Chức vụ: Chuyên viên QHKHCN.

Địa chỉ: Ấp A, H, N, Cà Mau.

Ông Nguyễn Minh M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, Tp ., tỉnh Kiên Giang.

Ông Lê Ngọc C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H trình bày: Ngày 09/8/2022, ông Lê Ngọc C có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H – Chi nhánh P, theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cụ thể:

- Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);
- Mục đích vay: Tiêu dùng;
- Hình thức cấp thẻ tín dụng: Tín chấp
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: 33%/năm;
- Phí thanh toán trễ: 4%/số tối thiểu;
- Kỳ hạn thanh toán: hàng tháng. Ngày chốt sao kê là ngày 15 hàng tháng, ngày thanh toán cuối là ngày cuối của tháng chốt sao kê;
- Tiền lãi vay được tính bằng (=) $Dư\ nợ\ vay\ thực\ tế\ (x) [lãi\ vay\ (%/năm)\ (:)\ số\ ngày\ thực\ tế\ của\ năm]\ (x)\ số\ ngày\ vay\ thực\ tế.$ Trong đó nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 01 ngày thì được tính đủ 01 ngày.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Lê Ngọc C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 46.535.328 đồng

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Ngọc C vi phạm nghĩa vụ, không trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng vì vậy Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H đã chuyển toàn bộ khoản nợ của khách hàng sang nợ quá hạn đồng thời yêu cầu ông Lê Ngọc C phải thanh toán toàn bộ khoản nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Lê Ngọc C phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản chi phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết tính đến ngày 28/5/2024 là 106.811.691 đồng (trong đó nợ gốc 46.535.328 đồng, nợ lãi 18.393.691 đồng và tiền phí 34.940.621 đồng);

2. Buộc ông Lê Ngọc C phải thanh toán phần nợ lãi và phí phát sinh thêm đối với số nợ thực tế theo mức lãi suất và phí quy định thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ sau ngày 29/5/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Đối với bị đơn - ông **Lê Ngọc C**: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông **Lê Ngọc C** đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

- **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tuy nhiên vụ án đến nay đã quá thời hạn xét xử. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng. Về thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông **Lê Ngọc C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông **Lê Ngọc C** vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- **Về quan điểm giải quyết vụ án:** Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/08/2022, bị đơn ông **Lê Ngọc C** ghi nhận địa chỉ nơi ở tại **số A đường C, Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang**, trong hợp đồng các bên đương sự không thoả thuận cụ thể Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự có mặt các đương sự: Bị đơn ông **Lê Ngọc C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 09/8/2022, ông **Lê Ngọc C** ký hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán (thẻ tín dụng **M1**) với **Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H** với hạn mức vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay: 33%/năm; Phí thanh toán trễ: 4%/số tối thiểu; Kỳ hạn thanh toán: hàng tháng. Ngày chốt sao kê là ngày 15 hàng tháng, ngày thanh toán cuối là ngày cuối của tháng chốt sao kê. Ông **C** đã sử dụng số tiền 46.535.328 đồng trong thẻ tín dụng nhưng không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông **C** vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, ngày 28/9/2023, Ngân hàng ra thông báo chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn. Tính đến ngày 28/5/2024, tổng số tiền ông **Lê Ngọc C** còn nợ **Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H** là 106.811.691 đồng (trong đó nợ gốc 46.535.328 đồng, nợ lãi 18.393.691 đồng và tiền phí 34.940.621 đồng).

Xét thấy, việc ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa **Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H** với ông **Lê Ngọc C** trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Theo hợp đồng các bên có thỏa thuận về lãi suất và biểu phí sử dụng. Do ông **Lê Ngọc C** vi phạm hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **Lê Ngọc C** trả tiền là có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H**, buộc ông **Lê Ngọc C** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/5/2024 là 106.811.691 đồng (trong đó nợ gốc 46.535.328 đồng, nợ lãi 18.393.691 đồng và tiền phí 34.940.621 đồng) và phần tiền lãi, phí phát sinh thêm đối với số nợ thực tế theo mức lãi suất và phí quy định thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 29/5/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H** được chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu án phí mà được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.019.523 đồng (Hai triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm hai mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0009700, ngày 14/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Bị đơn ông **Lê Ngọc C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.340.585 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng và thông tư 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016.

- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H. Buộc ông Lê Ngọc C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H số tiền là 106.811.691 đồng, trong đó nợ gốc 46.535.328 đồng, nợ lãi 18.393.691 đồng và tiền phí 34.940.621 đồng.

Ông Lê Ngọc C còn phải trả phần tiền lãi, phí phát sinh thêm đối với số nợ thực tế theo mức lãi suất và phí quy định thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 29/5/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.019.523 đồng (Hai triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm hai mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0009700, ngày 14/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Ông Lê Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.340.585 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang Thanh